

Ngày 30/09/2025	18,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.6%	20.9%	-5.9%

	Q3/25	
ROE	15.2%	+/- YoY ▲ 1.5%

	Q3/25		
DT thuần	32.0	QoQ	YoY
		▲ 0.30	▲ 1.40
		▲ 0.9%	▲ 4.5%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
DT thuần	89.7	YoY
		▲ 3.60
		▲ 4.1%
		tỷ VNĐ

	Q3/25		
LN gộp	17.5	QoQ	YoY
		▲ 1.70	▼ 0.20
		▲ 10.8%	▼ 1.1%
		tỷ VNĐ	

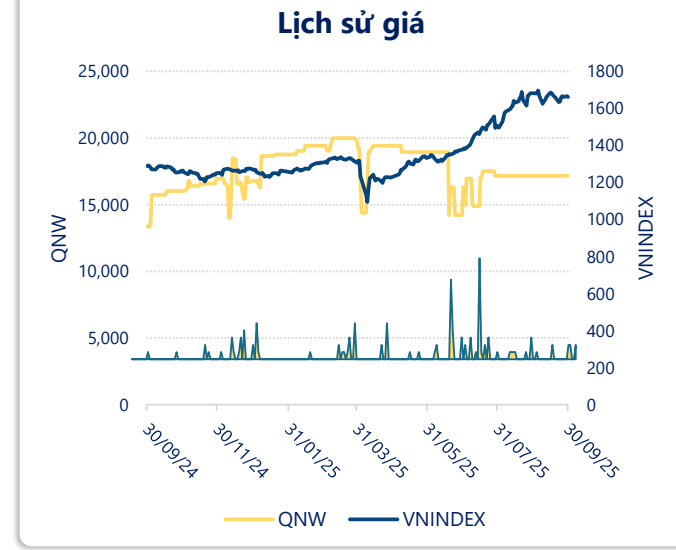
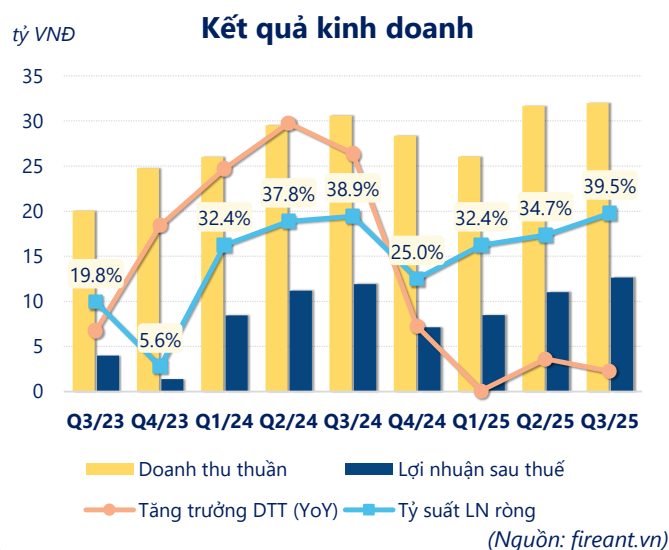
	9T 2025	
LN gộp	46.9	YoY
		▼ 0.40
		▼ 0.8%
tỷ VNĐ		

	Q3/25		
LN thuần	15.8	QoQ	YoY
		▲ 2.10	▲ 0.90
		▲ 15.3%	▲ 6.0%
		tỷ VNĐ	

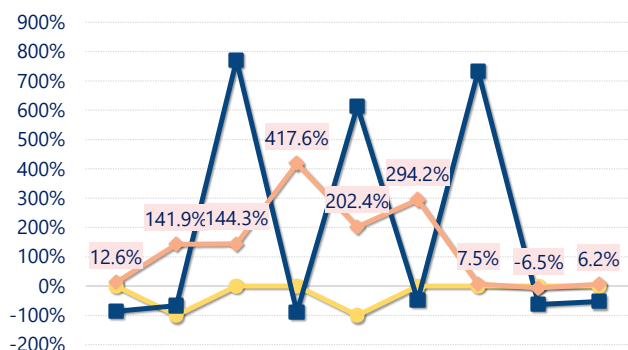
	9T 2025	
LN thuần	40.3	YoY
		▲ 0.80
		▲ 2.0%
tỷ VNĐ		

	Q3/25		
LN sau thuế	12.6	QoQ	YoY
		▲ 1.60	▲ 0.70
		▲ 14.8%	▲ 6.2%
		tỷ VNĐ	

	9T 2025	
LN sau thuế	32.1	YoY
		▲ 0.60
		▲ 1.9%
		tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

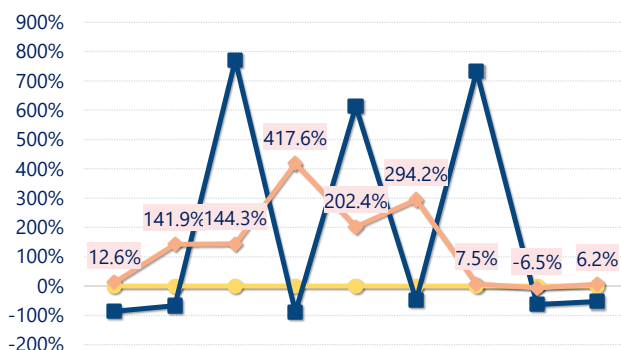


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

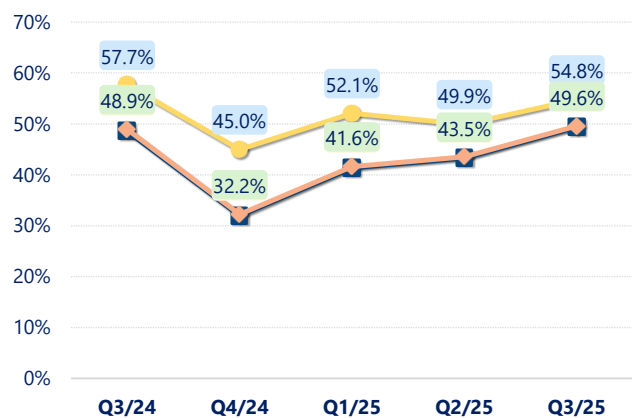


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

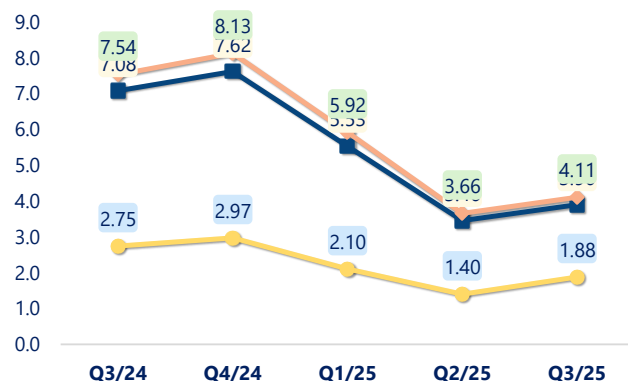


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

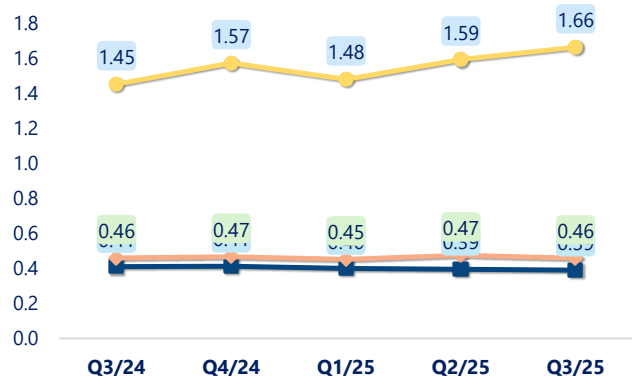


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

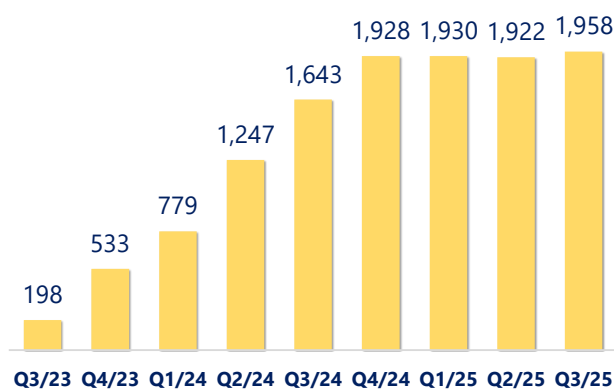


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	32.0	30.6	4.5%	89.7	86.1	4.1%
Giá vốn hàng bán	14.5	13.0	11.3%	42.8	38.9	10.1%
Lợi nhuận gộp	17.5	17.7	-1.1%	46.9	47.3	-0.8%
Doanh thu HĐTC	1.41	0.64	121%	3.96	2.70	46.4%
Chi phí TC	0.07	0.11	-38.3%	0.23	0.35	-34.9%
Chi phí lãi vay	0.07	0.11	-38.3%	0.23	0.35	-35.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.76	0.96	-20.5%	2.93	3.28	-10.5%
Chi phí QLDN	2.30	2.36	-2.4%	7.40	6.83	8.4%
LN thuần từ HĐKD	15.8	14.9	6.0%	40.3	39.5	2.0%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-0.03	-0.01	-156%
LN trước thuế	15.8	14.9	6.0%	40.3	39.5	1.9%
Lợi nhuận sau thuế	12.6	11.9	6.2%	32.1	31.5	1.9%
LNST của CĐ cty mẹ	12.6	11.9	6.2%	32.1	31.5	1.9%

(Nguồn: fireant.vn)

